

Lưu TB&H

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 884/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 27 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án mở rộng quy hoạch chung
xây dựng thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông về phía Nam

UBND. TỈNH KON TUM	
SỐ XÂY DỰNG	
ĐẾN	SS: ... 1894
	Ngày: 30/8/2010
	Chuyên: P. QH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 25/01/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 12/8/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông về việc đề nghị phê duyệt Đồ án mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông về phía Nam (kèm các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến Đồ án mở rộng quy hoạch chung xây dựng trung tâm thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông về phía Nam: Số 637/UBND-KTN ngày 08/4/2010 và Thông báo số 231/TB-UBND ngày 11/8/2010 về phê duyệt nhiệm vụ và ý kiến kết luận của đồng chí Bùi Đức Lợi, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp bàn về Đồ án mở rộng quy hoạch trên) và đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định Đồ án quy hoạch xây dựng số 124/BC-SXD ngày 20/8/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông về phía Nam do Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông trình (Công ty TNHH Đông Sáng lập) với các nội dung chủ yếu như sau (có Đồ án điều chỉnh quy hoạch kèm theo):

1. Phạm vi ranh giới và tính chất chức năng khu vực lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi ranh giới:

- Khu vực nghiên cứu mở rộng quy hoạch chung xây dựng nằm về phía Nam thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông thuộc thôn Mô Pả, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông; ranh giới cụ thể:

+ Phía Bắc giáp: Khu dân cư và Ủy ban nhân dân xã Đăk Hà (ranh giới phía Nam Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum đã được phê duyệt).

+ Phía Nam giáp: Rừng thông và đồi cao.

- + Phía Đông giáp: Rẫy sản xuất.
- + Phía Tây giáp: Rẫy sản xuất.
- Diện tích: + Diện tích khảo sát 230 ha.
+ Diện tích lập quy hoạch 200 ha.

1.2. Tính chất chức năng:

- Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và khoa học kỹ thuật của huyện Tu Mơ Rông.
- Là đầu mối giao thông quan trọng liên vùng, tỉnh.
- Có vị trí an ninh quốc phòng quan trọng của vùng Bắc Kon Tum và vùng Tây Nguyên.
- Là đô thị có tính chất dân tộc, văn hoá lịch sử và đặc điểm tự nhiên đặc trưng của vùng Tây Nguyên.

2. Quy mô dân số, đất đai khu vực lập quy hoạch:

2.1. Quy mô dân số:

- Giai đoạn đến năm 2015: 570 người.
- Giai đoạn đến năm 2025: 750 người.

2.2. Quy mô đất đai:

a. Đất dân dụng:

- Giai đoạn đến năm 2015: 60,38ha.
- Giai đoạn đến năm 2025: 100,54ha.

b. Đất ngoài dân dụng:

- Giai đoạn đến năm 2015: 59,62ha.
- Giai đoạn đến năm 2025: 99,46ha.

3. Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và hướng phát triển đô thị:

3.1. Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

S TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đô thị loại V	Chỉ tiêu chọn
A	Chỉ tiêu đất đai			
I	Đất dân dụng	m²/người	>80	>90
1	Đất ở	m ² /người	45-55	60
2	Đất cây xanh	m ² /người	12-14	14
3	Đất công trình công cộng	m ² /người	3-5	5
4	Đất giao thông - Quảng trường	m ² /người	10-12	12
II	Đất ngoài dân dụng			
1	Đất kho tàng	m ² /người	1,5-2,0	2,0
2	Đất TTCN	m ² /người	10-15	15
B	Chỉ tiêu công trình công cộng			
1	Giáo dục			

	- Trường mẫu giáo	chỗ/1000 (15m ² /chỗ)	50	80
	- Trường THCS	chỗ/1000 (15m ² /chỗ)	55	100
	- Trường Bán trú DTTS	chỗ/1000 (15m ² /chỗ)	40	80
	- Trường dạy nghề	chỗ/1000 (15m ² /chỗ)	40	80
2	Y tế			
	- Trạm Y tế đơn vị ở	Trạm/1000ng	1	(500m ² /trạm)
	- Phòng khám đa khoa	Công trình/đô thị	1	(3.000m ² /trạm)
	- Bệnh viện đa khoa	Giường/1000ng	4	100m ² /giường
3	Thể dục thể thao			
	- Sân luyện tập đơn vị ở	m ² /người	0,5	(0,3ha/công trình)
	- Sân thể thao cơ bản đô thị	m ² /người	0,6	(1,0ha/công trình)
	- Sân vận động đô thị	m ² /người	0,8	(2,5ha/công trình)
C	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
1	Chỉ tiêu cấp nước	lít/ người-ngđ	100	100
2	Chỉ tiêu cấp điện	KWh/người/ năm	1000	1000
3	Chỉ tiêu thoát nước sinh hoạt	% Chỉ tiêu cấp nước	80	100
4	Chỉ tiêu chất thải rắn	Kg/người /ngày	0,8	1,0

3.2. Hướng phát triển đô thị (Phương án chọn – Phương án 1):

- Không gian đô thị được phân bố trải dài theo trục đường Tỉnh lộ 672, hình thành các khu chức năng tập trung nhằm khai thác triệt để đất thuận lợi cho xây dựng đô thị.

- Hướng phát triển mở rộng đô thị theo hướng chủ đạo: Dọc theo Tỉnh lộ 672, về phía Nam và Tây Nam thuộc thôn Mô Pá, xã Đăk Hà.

- Khai thác triệt để hiện trạng kỹ thuật hiện có tại khu vực nhất là hệ thống giao thông. Hình thành các khu chức năng phân bố tập trung, bố cục không gian phụ thuộc hoàn toàn vào yếu tố địa hình.

4. Cơ cấu sử dụng đất và vị trí quy mô các khu chức năng chính:

4.1. Khu trung tâm giáo dục: Với diện tích 10,03 ha, chiếm 9,98% diện tích đất xây dựng đô thị. Cơ bản được giữ nguyên vị trí hiện nay bám dọc theo Tỉnh lộ 672. Bao gồm các trường dân tộc nội trú huyện, các trường THCS và trường mầm non tại các khu dân cư tập trung khác trong khu quy hoạch.

4.2. Khu trung tâm hành chính: Với diện tích 15,71 ha, chiếm 15,63% diện tích đất xây dựng đô thị. Được bố trí dọc trên trục Tỉnh lộ 672 và dọc theo khu cảnh quan suối Đăk Ter.

4.3. Khu thương mại dịch vụ và bến xe: Với diện tích 6,41 ha, chiếm 6,38% diện tích đất xây dựng đô thị. Khu này được bố trí trên trục Tỉnh lộ 672 và được chia thành 02 cụm chính:

- Bến xe được bố trí trên tuyến Tỉnh lộ 672, phục vụ cho dân cư thị trấn và khách vãng lai.

- Cụm công trình dịch vụ thương mại được bố trí lùi vào bên trong bám theo trục đường quy hoạch mới mở vuông góc với Tỉnh lộ 672.

4.4. Khu trung tâm Văn hoá - Thể thao: Với diện tích 4,67 ha, chiếm 4,65% diện tích đất xây dựng đô thị. Được bố trí bám dọc theo hai bên tuyến đường Tỉnh lộ 672. Khu vực này có diện tích rộng, khoảng cách phù hợp với các tuyến giao thông đối ngoại và nội thị chính, gần khu Trung tâm giáo dục của thị trấn và thuận lợi cho dân cư thị trấn đến sinh hoạt Văn hoá - Thể thao...

4.5. Trung tâm y tế: Với diện tích 3,27ha, chiếm 3,25% diện tích đất xây dựng đô thị, đáp ứng việc giao thông thuận lợi từ các nơi khác đến, thoả mãn yêu cầu về diện tích và là khu vực yên tĩnh, đảm bảo môi trường khám và dưỡng bệnh.

4.6. Khu sản xuất Công - Tiểu thủ công nghiệp và kho tàng, trạm trại: Với diện tích 16,44ha, chiếm 16,53% diện tích đất xây dựng đô thị. Được bố trí tại 02 khu vực chính:

- Khu Tiểu thủ công nghiệp với diện tích là 3,98ha, được bố trí bám dọc theo tuyến vành đai bên cạnh bến xe và khu dịch vụ thương mại.

- Cụm Công nghiệp với diện tích 12,46ha được bố trí phía Nam khu quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất công nghiệp và kho tàng của đô thị.

4.7. Khu công viên, cây xanh, thảm cỏ: Với diện tích 18,10ha, chiếm 18,45% diện tích đất xây dựng đô thị. Nằm dọc theo suối Đak Ter và các khu vực hợp thủy tạo thành những hồ cảnh quan.

4.8. Các khu dân cư tập trung: Với diện tích 22,60 ha, chiếm 22,48 % diện tích đất xây dựng đô thị. Các khu dân cư được tổ chức trên cơ sở tính chất của từng khu:

- Các khu dân cư chính trang.

- Khu dân cư mật độ thấp, để ở kết hợp với làm vườn, nhà ở dạng biệt thự.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. San nền:

a. Nguyên tắc thiết kế:

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, giữ gìn và bảo vệ lớp đất màu và cảnh quan hiện có.

- Hạn chế đào, đắp lớn. Hạn chế khả năng sạt lở.

- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi.

- Giảm thiểu kinh phí đào đắp.

b. Giải pháp:

- Trên cơ sở tôn trọng cao độ đỉnh đường tuyến Tỉnh lộ 672 và hiện trạng nền đất tự nhiên, tổ chức san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng các công trình hợp lý.
- Cao độ thiết kế san nền thấp nhất là 1.081,55m; cao độ thiết kế san nền cao nhất là 1.164,93m.
- Hướng thoát nước từ trong nền các lô đất về hệ thống thoát nước dọc theo đường giao thông xung quanh lô đất.

5.2. Thoát nước:

- Hệ thống thoát nước: Thiết kế mạng lưới thoát nước mưa riêng hoàn toàn. Thiết kế mương công tự chảy có độ dốc $0,3\% \leq i \leq 3,0\%$. Vị trí đặc biệt có độ dốc $i \geq 3\%$ xây dựng hồ tiêu năng, giảm độ dốc.
- Hướng thoát nước: Phân lưu vực hợp lý để thoát ra suối Đăk Ter và các hợp thủy.
- Kết cấu: Dùng công ngầm bê tông cốt thép ly tâm.

5.3. Quy hoạch mạng lưới giao thông:

a. Cơ sở và nguyên tắc thiết kế:

- Tận dụng mạng đường giao thông hiện có.
- Đối với đường giao thông nội thị được thiết kế tận dụng địa hình tự nhiên, độ dốc dọc đường chính: $I_{max} < 10\%$, $I_{ng} = 2\% - 3\%$.
- Hệ thống giao thông được thiết kế đa dạng, phù hợp với tính chất và quy mô đô thị và đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, sự liên lạc giữa các khu chức năng đô thị trong hiện tại và tương lai.
- Đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của mạng lưới đường theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.

b. Giải pháp thiết kế:

- Mạng lưới giao thông trong đô thị được tổ chức xây dựng dưới dạng hỗn hợp giữa mạng lưới ô bàn cờ và vòng cung phù hợp với điều kiện địa hình tự nhiên, lấy trục Tỉnh lộ 672 làm trục xương sống chủ đạo để phát triển mạng lưới giao thông toàn đô thị kết nối các khu chức năng với nhau tạo mạng lưới giao thông hoàn chỉnh.

- Quy mô mặt cắt ngang một số tuyến đường:

+ Tỉnh lộ 672: Có lộ giới 23,0m; phần xe cơ giới 4 x 3,75, hè đi bộ 2 bên 2 x 3,5m, giải phân cách giữa 1,0m.

+ Đường trục chính đô thị: Lộ giới 24,0m; phần xe cơ giới: 2 làn xe x 3,75m, phần xe thô sơ: 3,75 x 2 làn xe, hè đi bộ: 1 x (3,0)m, 1 x (4,5)m.

+ Đường liên khu vực: Lộ giới 18,0m; phần xe cơ giới: 2 làn xe x 3,75m, phần xe thô sơ: 1,5m x 2 làn xe, hè đi bộ: 1 x (3,0)m, 1 x (4,5)m.

- Đường khu vực và đường phân khu vực nối liền các khu chức năng: Lộ giới 15,0m; phần xe cơ giới: 2 làn xe x 3,75m, hè đi bộ: 1 x (3,0)m, 1 x (4,5)m.

- Giao thông tĩnh: Bãi đỗ xe tập trung được bố trí tại khu vực đông dân cư, các công trình tập trung đông người như các công trình công cộng và trường học.

5.4. Quy hoạch cấp nước:

- a. Tiêu chuẩn cấp nước và nhu cầu dùng nước:
- Giai đoạn đến năm 2015 là: 330 m³/ngày.đêm.
 - Giai đoạn đến năm 2025 là: 390 m³/ngày.đêm.
- b. Giải pháp cấp nước:
- Nguồn nước: Được lấy từ suối Đăk Hà chảy qua khu vực quy hoạch.
 - Khu xử lý nước: Dự kiến xây dựng nhà máy cấp nước giai đoạn 2025 có công suất Q = 390m³/ng.đ.
 - Mạng lưới đường ống: Tổ chức mạng lưới vòng kết hợp mạng lưới cụt, gồm mạng lưới đường ống nhánh D=100mm, D80mm đấu nối với tuyến ống chính D = 200mm, lấy từ khu xử lý nước.
 - Hệ thống nước cứu hỏa được thiết kế chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt, bố trí trên tuyến ống có đường kính D = 100mm trở lên.

5.5. Quy hoạch cấp điện :

- a. Tiêu chuẩn, nhu cầu cấp điện:
- Giai đoạn đến năm 2015 là: 2.066,2 KVA.
 - Giai đoạn đến năm 2025 là: 7.858,0 KVA.
- b. Nguồn cấp điện :
- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ lưới điện quốc gia, cụ thể từ đường dây 22KV kéo từ trạm biến áp E46 110/22KV Đăk Tô.
- c. Mạng lưới và giải pháp quy hoạch lưới điện :
- Lưới điện trung thế sử dụng điện áp 22KV mạng 3 pha 3 dây. Giai đoạn 1 được thiết kế đi nổi cột điện BTLT cao 12, 14m với khoảng cột trung bình từ 30m đến 50m; về sau (*giai đoạn 2*) khi điều kiện kinh tế cho phép thay thế dần đường dây nổi thành cáp ngầm. Cấp trung thế sử dụng cáp bọc, cách điện XLPE.
 - Lưới điện hạ áp trong khu dân cư sử dụng điện áp 380/220V mạng 3 pha 4 dây được thiết kế đi nổi (*sử dụng cáp bọc vặn xoắn*) dọc theo hai bên vỉa hè của các tuyến đường giao thông, tiết diện dây dẫn của các xuất tuyến hạ thế được chọn $\geq 95\text{mm}^2$, cột điện BTLT cao 10,5m với khoảng cột trung bình từ 20m đến 40m.

5.6. Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

- a. Thoát nước thải:
- Khối lượng nước thải là: 1.585 m³/ngày.đêm.
 - Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là hệ thống riêng hoàn toàn. Nước thải sinh hoạt cơ bản được xử lý sơ bộ tại các hộ gia đình, các cơ quan, công trình bằng hệ thống các bể tự hoại trước khi được dẫn vào hệ thống cống thoát nước thải chung của đô thị.
 - Trạm xử lý: Công suất dự kiến 1.600m³/ngàyđêm, xử lý nước thải sinh hoạt cho các khu quy hoạch cũ cộng với khu quy hoạch mở rộng.
 - Mạng lưới: Dùng hệ thống cống tự chảy có đường kính từ D200mm đến D400mm để thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất dự kiến 1.600m³/ngàyđêm. Nước thải sau khi xử lý được xả tại hạ nguồn của suối Đăk Ter.
- b. Rác thải:

- Khối lượng rác thải thu gom tại khu vực thiết kế khoảng: 13,5 tấn/ngày.

- Xử lý: Được thu gom bằng thùng rác đặt trên vỉa hè, sau đó được đưa về các điểm trung chuyển và vận chuyển đến bãi rác đô thị.

- Khu xử lý chất thải rắn: Dự kiến bố trí về phía Đông Nam của thị trấn cách thị trấn khoảng 9km đi về phía làng Đăk Pơ Trang. Tại khu xử lý này có bố trí một khu riêng để xử lý chất thải độc hại. Phương pháp xử lý chất thải rắn bao gồm chôn lấp hợp vệ sinh và nhà máy chế biến phân rác. Quy mô diện tích khu xử lý chất thải rắn dự kiến khoảng 10ha.

6. Các quy định về không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị:

6.1. Các khu ở: Bao gồm các khu ở hiện trạng cải tạo và chỉnh trang, các khu ở đô thị mới mở rộng, và các khu ở làng xóm đô thị hoá.

- Mật độ xây dựng trung bình: 30-35%.

- Hệ số sử dụng đất: 0,3-1,4 lần.

- Tầng cao trung bình: 2,0 tầng.

- Các công trình nhà ở phải đảm bảo khoảng không gian thoáng trước sau.

- Đảm bảo phòng cháy, chữa cháy khi có sự cố.

- Đối với nhà ở mặt phố chỉ có giới hạn đường đỏ trùng với chỉ số xây dựng; phần ban công nhô ra không quá 1,5m tính đến mép ngoài ban công.

- Đối với nhà ở biệt thự có vườn, chỉ giới xây dựng công trình cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 6m; khoảng cách giữa 2 nhà tối thiểu là 10m.

- Hình thức kiến trúc truyền thống, nhà mái dốc.

6.2. Các khu công trình công cộng đô thị:

- Mật độ xây dựng tối đa: 50% (không tính phần đường đi trong khu đất). Chỉ giới xây dựng: Ít nhất 6,0 m so với chỉ giới đường đỏ.

- Tầng cao trung bình: 2,5 tầng (trong đó phần mái được tính bằng 0,5 tầng).

- Công trình xây dựng phải được kiến trúc sư thiết kế, nghiên cứu kiến trúc 5 mặt (4 mặt đứng các bên và mặt bằng mái).

- Màu sắc, chi tiết kiến trúc công trình: sử dụng màu sắc trang trí truyền thống phù hợp với tính chất của địa phương.

- Cây xanh, sân vườn: tất cả các công trình đều có khoảng không gian thoáng, sân vườn xung quanh và sân đỗ xe.

- Cổng và hàng rào: Cổng và hàng rào công trình được thiết kế phù hợp với kiến trúc tổng thể của công trình và hài hoà với kiến trúc chung của đô thị tường rào các mặt quay ra trục giao thông phải được thiết kế thoáng, không xây đặc, thống nhất chiều cao là 2m cho tất cả các công trình.

- Khi thiết kế công trình công cộng phải có bãi đỗ xe ô tô đảm bảo quy mô của công trình và nằm trong khu vực của công trình.

6.3. Các khu công viên cây xanh thể dục thể thao:

- Mật độ xây dựng tối đa: 5%.

- Các công trình kiến trúc, văn hoá thể thao, nằm trong đất cây xanh phải đảm bảo kiến trúc thẩm mỹ cao, đặc biệt là kiến trúc mái. Công trình có không gian cây xanh xung quanh.

- Các công trình di tích, tôn giáo phải được tổ chức không gian cây xanh sân vườn xung quanh công trình. Kiến trúc các công trình di tích tôn giáo phải được tôn tạo bảo tồn những kiến trúc truyền thống vốn có.

- Các công trình kiến trúc nằm trong hai bên bờ suối là những công trình nhỏ, độc lập, có không gian sân vườn xung quanh.

- Cây xanh sân vườn phải được nghiên cứu, thiết kế hoàn chỉnh.

7. Các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh và biện pháp bảo vệ môi trường:

7.1. Các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh:

Khi triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ dân sinh trên địa bàn thị trấn, huyện gắn chặt với yếu tố bảo đảm cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự và tác chiến phòng thủ, đồng thời bám sát chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về công tác này.

7.2. Biện pháp bảo vệ môi trường:

- Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thu gom triệt để các loại nước thải và tổ chức tốt việc thu gom, xử lý chất thải rắn.

- Trong các lô đất xây dựng đảm bảo xây dựng đúng mật độ xây dựng quy định và tổ chức hệ thống vườn hoa, cây xanh nhằm hạn chế tối thiểu chất ô nhiễm khuếch tán trong môi trường không khí.

- Có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Có giải pháp bảo vệ và bổ sung diện tích cây xanh, cải thiện điều kiện khí hậu trong các khu dân cư hiện có và tăng cường cây xanh ven các tuyến đường nhằm giảm bụi và tiếng ồn.

- Tổ chức thực hiện tốt chương trình giám sát môi trường theo quy định.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư và tổ chức thực hiện:

8.1. Nguyên tắc:

- Sau khi Đồ án mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông về phía Nam được phê duyệt, triển khai lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng, làm cơ sở để quản lý và thực hiện theo quy hoạch.

- Ưu tiên xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật như: San nền, giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước và cơ sở hạ tầng xã hội cấp đô thị đến cấp đơn vị ở nhằm mục đích hấp dẫn nhà đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

8.2. Các dự án trọng tâm cần được ưu tiên đầu tư đột đầu:

- Dự án quy hoạch chi tiết các khu chức năng;

- Hoàn thiện các dự án đầu tư đang được triển khai như: Bệnh viện Đa khoa huyện, trường trung học bán trú Dân tộc thiểu số; Cải tạo nâng cấp tuyến Tỉnh lộ 672.

- Dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông chính qua khu vực nghiên cứu.

Điều 2. Đồ án mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông về phía Nam, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum được phê duyệt là cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch xây dựng.

- Giao Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông :

+ Tổ chức công bố Đồ án mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông về phía Nam, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum theo quy định hiện hành để các tổ chức, cá nhân biết thực hiện và kiểm tra.

+ Dự thảo Quy định về quản lý quy hoạch chung xây dựng đô thị liên quan đến nội dung đồ án mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông về phía Nam, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt theo quy định.

- Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả quản lý và tổ chức thực hiện theo nội dung Đồ án mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông về phía Nam đã được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông; Giám đốc Sở Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *ghe*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT-KTN (Tri).

TM. UBND TỈNH KON TUM

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



ghe
Bùi Đức Lợi